

CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT TẠI LÀO SINH TỒN VÀ GIỮ GÌN BẢN SẮC

NGUYỄN DUY THIỆU*

I. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT⁽¹⁾ TẠI LÀO

Cộng đồng người Việt tại Lào do 3 bộ phận hợp thành:

- Bộ phận người Việt đã nhập quốc tịch Lào. Bộ phận này được gọi là người Lào gốc Việt. Về mặt pháp lý họ được hưởng đầy đủ mọi quyền lợi và phải thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ công dân như người Lào gốc Lào, nhưng chứng minh thư nhân dân của Lào vẫn có những dấu hiệu để phân biệt giữa người Lào gốc Lào: nên chứng minh thư nhân dân màu sáng; với người Lào gốc Việt: nên chứng minh thư nhân dân màu xanh và trong đó có ghi: người Lào gốc Việt.

- Bộ phận thứ hai là những người được sinh ra hoặc đã làm ăn sinh sống lâu đời tại Lào, họ có quyền đăng ký hộ khẩu tại Lào, nhưng họ là công dân Việt Nam, khi họ về Việt Nam hoặc tới một nước nào khác thì họ mang hộ chiếu Việt Nam. Chính phủ Lào coi họ như là người nước ngoài định cư tại Lào.

- Thứ ba là bộ phận những người Việt Nam mới sang cư trú tại Lào trong thời

gian chưa lâu hoặc họ chỉ sang Lào làm ăn theo mùa vụ.

Không có bất kỳ một nguồn số liệu thống kê chính thức tin cậy nào, nhưng có thể ước tính tổng cộng có khoảng 50.000 người Việt đang làm ăn, sinh sống tại Lào⁽²⁾. Dĩ nhiên số lượng này thay đổi thường xuyên vì có những bộ phận chỉ đến Lào làm ăn theo thời vụ rồi lại trở về Việt Nam, hoặc chuyển tới cư trú ở nước thứ ba...

Đương nhiên, không phải tất cả mọi thành viên của người Việt tại Lào - nhất là nhóm người chỉ sang Lào làm ăn theo thời vụ - đều tham gia vào đời sống cộng đồng. Và khi tìm hiểu về đời sống văn hoá của cộng đồng người Việt tại Lào, chúng ta cần lưu ý tới một số đặc điểm sau:

+ Người Việt thiên di tới Lào trong một thời gian lâu dài và chủ yếu là các đợt thiên di lẻ tẻ.

Nhìn lại quá trình người Việt thiên di tới Lào chỉ có một số đợt thiên di theo số đông. Trước tiên có lẽ đó là các đợt thiên di để tránh "bình Tây sát đạo" dưới thời vua Tự Đức (1823-1883), tiếp đến là các

* TS. Nguyễn Duy Thiệu, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

đợt thiên di dưới thời Vua Hàm Nghi (1870-1947) khi phong trào “Cần Vương” của vị vua này thất bại, nhằm tránh thực dân Pháp đàn áp mà một bộ phận quân khởi nghĩa đã chạy sang Lào; và cuối cùng có thể kể tới các đợt thiên di do người Pháp đứng ra tổ chức khai thác thuộc địa ở Đông Dương từ 1893 tới 1945, theo tài liệu thống kê vào năm 1939, trong thập kỷ 30 của thế kỷ XX có tới 39.400 người Việt đến Lào⁽³⁾. Còn lại các đợt thiên di khác chỉ diễn ra theo những nhóm nhỏ, lẻ tẻ, trong thời gian rất lâu dài, mà lý do chính của các đợt thiên di chủ yếu là do Việt Nam đất hẹp người đông, nông dân thiếu đất canh tác lại thường xuyên đối phó với thiên tai, lũ lụt, hạn hán... và sưu cao thuế nặng của các chính quyền cai trị... nên họ tới Lào nơi đất rộng người thưa để tìm kế sinh nhai.

+ Nguồn gốc xuất cư rải rác tại nhiều địa phương trong cả nước.

Có thể nói, bước vào thời kỳ cận hiện đại, lịch sử Lào cũng như khu vực Đông Dương có những biến động rất phức tạp, bởi vậy, các bộ phận dân di cư sang Lào trước đây đa phần đã quay trở lại Việt Nam, sang Thái Lan hoặc di cư tiếp sang nước thứ 3 như Pháp, Mỹ, Ôt-xtrâyli-a... còn người Việt Nam hiện sinh sống tại Lào đa phần là cư dân mới di cư tới trong các thời gian muộn hơn, và có nguồn gốc rất bác tạp. Vào tháng 4/2005, chúng tôi tiến hành điều tra 316 hộ người Việt Nam làm ăn sinh sống tại Lào, được biết họ đến Lào từ 35 tỉnh, thành phố khác nhau, phân bố khắp ba miền Bắc Trung Nam của Việt Nam. Nhưng bộ phận có nguồn gốc ở miền Trung chiếm đa số: (bảng 1).

Số liệu tại bảng thống kê trên đây cho chúng ta biết nguyên quán gốc của người Việt sinh sống trên đất Lào tại khắp các miền Bắc, Trung, Nam của Việt Nam, mà mỗi miền như vậy, tập quán, lối sống của

Bảng 1: Những địa phương ở Việt Nam có tỷ lệ cao về số người di trú và làm ăn theo thời vụ ở Lào (điều tra ngẫu nhiên 316 hộ, tháng 4-5/2005)

Số TT	Nguyên quán	Chiếm (%) so với tổng số 316 hộ	
		Số hộ	%
1	Quảng Bình	80	25,3
2	Thừa thiên-Huế	26	8,2
3	Ninh Bình	24	7,6
4	Thái Bình	14	4,4
5	Nam Định	12	3,8
6	Hà Tĩnh	8	2,5
7	Nghệ An	8	2,5

người Việt cũng không hoàn toàn giống nhau. Còn về thành phần xuất thân, đa phần người Việt đến Lào là người nghèo, thân phận xã hội như vậy làm cho họ có lối sống, cách ứng xử so với những bộ phận có đẳng cấp xã hội cao hơn trên đất Việt Nam có những nét khác biệt. Những đặc điểm này không phải là những tiền đề thuận lợi để người Việt trên đất Lào củng cố tính cộng đồng bên chặt, mà ngược lại, đây chính là những yếu tố làm cho người Việt dễ dàng hòa nhập vào lối sống của người Lào.

II. BẢO TỒN VÀ CHUYỂN ĐỔI BẢN SẮC VĂN HÓA TRONG MÔI TRƯỜNG SỐNG MỚI TRÊN MỘT SỐ MẶT CHÍNH YẾU

1. Thích nghi và chuyển đổi về sinh kế

Việt Nam là nước nông nghiệp, đất hẹp người đông. Đa phần người Việt là nông dân trồng lúa nước, sống ở nông thôn trong các làng xã có cơ cấu xã hội rất chặt chẽ. Lào là nước đất rộng người thưa nên một bộ phận nông dân Việt Nam đã thiên di tới Lào tìm sinh kế. Thời thực dân Pháp khai thác Bắc Kỳ, một số lớn lính khố xanh người Việt khi giải ngũ về quê bị mất đất đã trở lại Lào cư trú. Đa phần người di cư tới Lào, khi xuất cư chủ yếu họ là dân nghèo, tại những vùng quê nghèo.

Mục đích tới Lào của người Việt: chạy loạn khai phá đất hoang cấy trồng kiếm ăn, người Pháp đưa tới phục vụ cho công việc hành chính của chính quyền cai trị, làm đường, khai mỏ... cư trú theo các trung tâm, từ đó mà hình thành các khu đô thị Lào. Đa phần người Việt tại Lào là thị dân.

Dưới thời thuộc Pháp, việc di cư của người Việt vào Lào đã mang lại lợi ích cho

các thị xã quan trọng (loại trừ cố đô Luông Pha Băng). Người Việt trở thành bộ phận lớn, còn người Lào trở thành thiểu số như: người Việt tại thủ đô Viêng Chăn chiếm 43%, Thà khộc 85%, Savanakhet 72,4%, thị xã Pacsê 62%, thị xã Xiêng Khoảng 72%.

Cũng cần phải biết rằng, theo truyền thống, người Lào chỉ thích làm quan, đi lính hoặc làm ruộng, họ không thích làm việc trong các lĩnh vực ngành nghề nhất là làm dịch vụ, đã thế luật pháp của Lào không cho phép người nước ngoài có quyền sở hữu đối với ruộng, đất... Có thể bởi các lý do trên mà đa phần người Việt tới Lào đều kiếm sống trong các lĩnh vực buôn bán, ngành nghề nhất là các ngành dịch vụ.

Tài liệu điều tra trên thực tế cho thấy người Việt trên đất Lào đã làm rất nhiều nghề:

- May mặc
- Thợ nề, thợ mộc
- Thầu khoán
- Buôn, bán vàng bạc, giày dép..
- Mở trường học tư...
- Làm nghề kim hoàn
- Mở nhà máy làm tôn, sắt, lắp ráp ô tô
- Đóng giày, làm quạt máy, sản xuất mỳ sợi...
- Kinh doanh khách sạn
- Làm các loại dịch vụ như cắt tóc, massage...
- Bán hàng rong..

Tóm lại, để kiếm sống, đa phần người Việt ở Lào đã lựa chọn nghề buôn bán nhỏ, số còn lại tập trung hoạt động trong các ngành dịch vụ, một bộ phận đã nhập quốc tịch Lào lâu ngày cũng được chấp

Bảng 2: Cơ cấu ngành nghề của người Việt tại Lào hiện nay (2005)

Số mẫu điều tra	Làm ruộng	Buôn bán	Dịch vụ	Công chức	Khác
316 đối tượng =100%	6%	47,2%	21,8%	13%	25,6%

Nguồn: Số liệu điều tra của đề tài “cộng đồng người Việt tại Lào” của Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

nhận làm công chức viên chức trong hệ thống cơ quan nhà nước ở Lào. Mặc dù là cư dân nông nghiệp rất thành thạo làm lúa nước nhưng số người Việt đến Lào làm ruộng để kiếm sống chiếm một tỷ lệ rất thấp (6% trên cả nước)... Sự chuyển đổi phương thức kiếm sống này là tiền đề để họ chuyển đổi lối sống theo hướng xa rời dần lối sống truyền thống của cha ông họ ở quê nhà. (xem bảng 2).

2. Những thay đổi về đời sống xã hội

Như đã trình bày ở trên, quê gốc của những người Việt chuyển cư tới Lào phân bố rải rác trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam, nhưng đại bộ phận tập trung ở hai vùng chính: khu vực Bắc Trung Bộ và khu vực đồng bằng Bắc Bộ. Đa phần họ là nông dân nghèo sống trong các làng quê ở Việt Nam, theo một thiết chế xã hội cổ truyền rất chặt chẽ. Nói theo cách của dân gian, đó là một dạng xã hội kiểu: “trong Nhà ngoài Làng, trong Làng ngoài Nước”. Người dân quê, đa phần chỉ quen sống trong nhà (gia đình), trong làng.

Gia đình người Việt là gia đình nhỏ phụ quyền, đầu vậy, với vị thế “tay hòm chìa khóa”, người phụ nữ được tôn trọng. Các chủ gia đình là đàn ông được sinh ra từ một ông tổ chung hợp lại thành một họ. Nguyên tắc tập hợp dòng họ người Việt tại Bắc Bộ và Trung Bộ là phụ quyền ngành trưởng, con trai trưởng của chi

trưởng là trưởng của dòng họ. Họ có nhà thờ chung. Thông thường, ngày giỗ của các bậc tiền bối trong ba, bốn đời được con cháu tập trung cúng tại nhà con trai trưởng ngành trưởng. Từ bốn, năm đời trở lên thì được thờ tại nhà thờ họ, một năm hai lễ vào rằm tháng giêng và rằm tháng bảy. Ngoài giỗ tết chung, con cháu trong họ thường tập trung đi tảo mộ vào dịp sau tết Nguyên đán trước rằm tháng giêng (Trung Bộ) hoặc là đi thăm mộ trong tiết thanh minh (Bắc Bộ).

Bất kỳ người nông dân Việt nào vốn cũng từng sinh ra và lớn lên trong một làng quê. Trong truyền thống làng là tế bào cơ sở của xã hội Việt. Theo Nguyễn Đức Từ Chi, một nhà Dân tộc học hàng đầu của Việt Nam thì làng nông nghiệp Việt cổ truyền có năm loại hình tổ chức, mỗi loại hình được tập hợp theo nguyên tắc khác nhau, đó là: tập hợp người theo *huyết thống*: Họ; tập hợp người theo *địa vực*: Ngõ, Xóm; tập hợp người theo lớp tuổi: *Giáp*; tập hợp người trong những tổ chức dựa trên lòng tự nguyện của các thành viên: *Phe, hội, phường*; và, tập hợp người trong *bộ máy chính quyền cấp xã*⁽⁴⁾. Mỗi làng như thế vận hành theo tập quán pháp riêng gọi là lệ làng. Lệ làng quan trọng tới mức, như cách nói dân gian “phép Vua thua lệ làng”. Thông thường mỗi làng có một ngôi đình để thờ Thành hoàng - thường là người khai hoang lập làng đầu tiên. Cứ tới ngày giỗ thành

hoàng làng là dân làng góp tiền cúng tế và mở hội...

Trở lại với người Việt tại Lào, như đã trình bày tại các phần trên, mặc dù người Việt tới Lào cũng sống theo các khu tập trung, nhưng có lẽ một phần do các đợt thiên di chủ yếu là lẻ tẻ theo từng cá nhân, từng gia đình chứ không di cư tập trung theo cộng đồng kiểu dòng họ hoặc làng. Hơn thế, khi tới Lào, họ lại được tiếp xúc với một dạng thiết chế xã hội Lào, cởi mở hơn nhiều so với xã hội cổ truyền của người Việt... Do đó, mặc dù tại nơi mới đến, người Việt cũng tập trung lại cư trú theo làng, nhưng cơ cấu của xã hội cũ tại nơi xuất phát đã không được tái cấu trúc lại đầy đủ ở nơi mới tới.

Gia đình của người Việt ở Lào vẫn theo nguyên tắc gia đình phụ hệ ngành trưởng, nhưng quan hệ dòng họ đã phai nhạt. Trên dặm đường di dân, chúng tôi được biết chỉ có bộ phận người Việt ở tỉnh Pắc Xông đã từng sinh hoạt dòng họ: làm giỗ tổ ở nhà trưởng tộc, nhưng sinh hoạt ấy cũng chấm dứt lâu lắm rồi, chỉ ít là ở thời điểm mà người Pháp rút khỏi Đông Dương, còn lại người Việt tại Lào, ai biết nhà ấy, không ở đâu có tập hợp người theo nguyên tắc huyết thống: *họ*, không ở đâu có nhà thờ họ như ở Việt Nam.

Trong nghiên cứu cơ cấu xã hội cổ truyền của người Việt trên đất Việt có thể nói vấn đề lý thú nhất là cơ cấu làng xã Việt. Tuy nhiên, chưa có đủ tài liệu để hiểu biết, trên đất Lào, người Việt đã tái lập lại đơn vị xã hội cổ truyền này như thế nào. Có thể đoán định được rằng, một loại do người di cư tự tái lập và một loại khác được thiết lập theo các quy định hành chính của chính quyền thuộc địa Pháp.

Loại làng do người di cư tự thiết lập có thể kể là làng Xiềng Vang (tại huyện

Nông Bok, tỉnh Khăm Muộn. Theo các già làng thì người Việt chạy lên đây vào cuối thế kỷ XIX (khoảng 1892). Trước đây làng có lý trưởng và dân làng cũng tổ chức thờ Tiên hiền: Ông Đặng Văn Phèn (người gốc ở Châu Hóa, Quảng Bình) như là một dạng Thành Hoàng làng. Làng này có đình, có thể nói, đây là làng của người Việt duy nhất ở Lào có đình làng. Nhưng ngôi đình đẹp và khang trang của làng cũng mới được xây dựng trong những năm gần đây do một mệnh thường quân, vốn là người làng này, nay cư trú tại Pháp cung tiến tiền xây dựng.

Loại làng của người Việt được thiết lập do các quy định hành chính của chính quyền thuộc địa Pháp phổ biến ở Lào. Trong kho tài liệu của người Pháp để lại, chúng ta còn thấy các văn bản nói về:

- Thành lập 4 làng An Nam trong vùng trung tâm đô thị Thà Khẹt tỉnh Khăm Muộn⁽⁵⁾;

- Thành lập 5 làng An Nam mang tên gọi là “Paksế tả ngạn”, “Paksế hữu ngạn”, “cây số 42 của đường thuộc địa số 13”, “Paksong” và “Khôn” trong tỉnh Bassac⁽⁶⁾;

- Thành lập 3 làng An Nam mang tên: An Lợi, Cẩm Hương và Đồng Xuân tại tỉnh Trấn Ninh⁽⁷⁾. Chúng ta cũng chưa có đủ tư liệu để hiểu rõ được trong bối cảnh nào và ở mức độ tổ chức nào thì các đơn vị xã hội để quản dân Việt trên đất Lào được gọi là làng, còn ở mức độ nào thì được gọi là “Bang”, bởi trong một tài liệu khác của người Pháp lại nói tới “*Bang trưởng An Nam ở Viêng Chăn và những người phụ tá: Điều kiện tuyển dụng, quyền hạn và phụ cấp giao tế diện*”⁽⁸⁾.

Chưa rõ bang khác làng như thế nào, nhưng ngày nay tại Păcsê, người Việt vẫn tập trung cư trú theo 7 xóm, ba xóm ở tả ngạn và 4 xóm ở hữu ngạn sông Sê Đôn.

Dân trong các xóm thông thường là đồng hương tại các tỉnh xuất cư như:

- Dân ở xóm Tân An (Tha Sê Mây) đến từ Quảng Bình,
- Dân ở xóm Sân Bay đến từ Hà Tĩnh,
- Dân ở xóm Thạ Hín đến từ Thừa Thiên - Huế,
- Dân ở xóm Bản Thung và xóm Tân Phước đến từ Hà Nam Ninh,
- Dân ở xóm Xóm Cột đèn là dân tứ xứ,
- Còn dân ở xóm Xóm Đá là dân các tỉnh miền Nam Việt Nam và Việt kiều từ Campuchia sang.

ở Viêng Chăn có 10 điểm cư trú của người Việt là:

1. Wat Chăn (Xiêng Nhưn, Nậm Phủ, Xêng Lào),
2. Thông Con Khăm,
3. Xỉ Xawát,
4. Xỉ Mương (Thạt Khảo),
5. Bản Phải (Đông Pala),
6. Phon Xavăn,
7. Khúa Luổng,
8. Wat Tay,
9. Noong Tèn (chuyển từ Khúa Đin sang),
10. Phôn Xây.

Khác với Pạcsê, dân trong các điểm cư trú tại Viêng Chăn không phải là những “đồng hương” ở quê gốc (bên Việt Nam), nhưng họ lại có cùng quê thuộc các tỉnh khác nhau tại Lào. Thí dụ: Việt kiều Xiêng Khoảng, Việt kiều Xiêng Vang (Khăm Muộn), Việt kiều Pạcsê...

Có thể nói, dù là bang hay là làng thì cũng vậy trong các đơn vị xã hội này chỉ còn tuân thủ hai nguyên tắc tập hợp chính, nguyên tắc địa vực: *Xóm ngõ* và nguyên tắc dựa trên lòng tự nguyện của

các thành viên: *Phe, hội, phường*. Các dạng tổ chức khác như tại Việt Nam: tập hợp người theo huyết thống: *Họ*; tập hợp người theo lớp tuổi: *Giáp*; và, tập hợp người trong *bộ máy chính quyền cấp xã* đã phai nhạt không còn tồn tại nữa.

Nếu như các đơn vị xã hội như chúng ta đã đề cập (dòng họ, làng...) của người Việt tại Lào so với các đơn vị xã hội ấy tại nơi xuất cư trên đất Việt Nam đã nhạt phai đi, thì một loại đơn vị tổ chức khác: *Hội* của người Việt Nam trên đất Lào lại khá phát triển. Rõ ràng là phong tục tập quán của người Việt khác hẳn phong tục tập quán của người Lào: người Việt thờ phụng tổ tiên, khi chết thì chôn, còn người Lào theo Phật, khi chết thì thiêu. Các tập tục trong tang ma, cưới xin và trong các lĩnh vực khác đều có những khác biệt. Bởi thế khi lâm sự, ví dụ có người chết chẳng hạn, người Việt phải có hội có phường để hỗ trợ nhau. Hội những người Việt Nam tại Lào ra đời từ lâu và ngày càng hoàn thiện. Hội có Điều lệ hội rõ ràng, tổ chức khá chặt chẽ, mục đích là để chăm lo đời sống theo phong tục cho người Việt Nam (tang ma, cưới xin...) làm ăn sinh sống tại Lào. Thông thường cứ mỗi khu vực cư trú như một tỉnh hoặc một thành phố, người Việt tại đó liên kết lại với nhau trong cùng một hội: ví dụ Hội người Việt Nam tại Viêng Chăn, hội người Việt Nam Châmpasác... Về mặt pháp lý, Hội là tổ chức phi quan phương, không nằm trong hệ thống hành chính của nhà nước nhằm bảo vệ quyền lợi cho các hội viên. Các giao tiếp dân sự với Việt Nam, Hội thông qua Đại sứ quán hoặc Tổng Lãnh sự quán của Việt Nam tại Lào, còn ở Lào, Hội thông qua Mặt trận tổ quốc của bạn để giải quyết mọi công việc.

Về cơ cấu tổ chức, mỗi Hội người Việt Nam ở từng địa phương có cơ cấu ít nhiều

khác nhau, nhưng trên cơ bản có các Ban⁽⁹⁾ như sau:

- + Văn phòng Hội
- + Ban văn hóa giáo dục và lễ tân
- + Ban xã hội và phúc lợi
- + Ban Thanh niên
- + Ban Phụ nữ
- + Ban người cao tuổi
- + Ban tài chính
- + Ban giám sát, kiểm tra...

Điều lệ Hội quy định chức năng nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể để các Ban hoạt động đúng mục tiêu. Có thể nói trong các Ban của Hội thì Ban Văn hóa Giáo dục và Lễ tân là Ban có trách nhiệm hết sức nặng nề vì phải chăm lo đời sống tinh thần (trọng tâm là tôn giáo tín ngưỡng) và việc học hành cho con em Việt kiều.

3. Chăm lo đời sống văn hóa - giáo dục cho con em

Sống ở xa quê, người Việt tại Lào, ngoài việc mưu sinh, họ luôn chăm lo cho "bản sắc văn hóa con rồng cháu tiên"⁽¹⁰⁾ của cộng đồng không bị mai một, mà trước hết là ngôn ngữ kiều: "tiếng nói còn thì dân tộc ta còn". Có thể nói, tình trạng mai một tiếng mẹ đẻ trong người Việt tại Lào, luôn luôn làm cho những người có tinh thần bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc hết sức ưu tư. Một trong các nguyên nhân làm phai nhạt tiếng mẹ đẻ là do vấn đề giáo dục. Hơn thế, người Việt vốn có truyền thống là những người hiếu học, cho nên dù ở đâu, dù là kinh tế khó khăn như thế nào, người làm cha làm mẹ lúc nào cũng rất quan tâm đến sự ăn học của con em mình. Trong những năm 50 - 60, con em Việt kiều tại Viêng Chăn, cũng như tại Lào phần đông học tại các đền (đền Đức

Thánh Trần, đền Quan Lân ở Viêng Chăn...), trường Đạo (Hy vọng). Sau này đời sống văn hóa phát triển hơn, Việt kiều đã mở các trường tư như: La Fontaine, Progrès, Aurore, Lycée Somboun, Sayamongkhoun. Lớp lớn hơn vào học các trường Pháp như: École des soeurs de la charité, Lycée de Vientiane và trường Dòng. Hai trường Nguyễn Du I và Nguyễn Du II bây giờ, lúc đó đã tồn tại và một trong hai trường đó do "Hội ái hữu" quản lý. Còn trường Pháp - Lào vào khoảng những năm 40-50 thì có École Tafforin, Lycée de Pavie, các học sinh Lào, Việt đều tới học.

Sau năm 1975, Hội người Việt Nam Vientiane tiếp tục quản lý hai trường tiểu học nói trên và đổi lại tên là Nguyễn Du I và Nguyễn Du II cùng các lớp mẫu giáo. Cho tới giờ, hai trường vẫn được sử dụng, đang được mở rộng và phát triển. Tại Luông Prabang có trường Hùng Vương, tại Savannakhét có trường Hồng Bàng, Chămpasác có trường Phônxyay, trường Hữu Nghị, tại Thà Khéc có trường Thống Nhất... là những trường học không chỉ có con em Việt kiều mà con em người Lào cũng rất thích học. Số lượng học sinh Lào học tại các trường do Hội quản lý là 30% (Viêng Chăn), tại Chămpasác tỷ lệ còn cao hơn (xấp xỉ 50%)... Từ nhiều năm nay trường Việt kiều trên đất Lào có truyền thống dạy giỏi, học giỏi, các em học sinh luôn đạt nhất nhì trong các kỳ thi học sinh giỏi ở Lào. Sau khi tốt nghiệp cấp I, các em được tiếp tục học tại trường cấp II, cấp III sau đó nếu muốn tiếp tục học thì thi vào đại học hay các trường cao đẳng, một số về Việt Nam (mỗi năm Việt Nam cấp cho con em Việt kiều Viêng Chăn 10 suất học bổng đại học) hoặc tới Nhật, Ôtxtrâyliya, Trung Quốc... để tiếp tục học đại học. Trường Việt kiều (cấp I) dạy theo

chương trình của Ty giáo dục Lào ở cấp huyện đưa ra, kèm theo 2 tiết tiếng Việt mỗi ngày (có cả học tiếng Anh).

Hiện tại hệ thống các trường học trong cộng đồng Việt kiều tại Lào ở các khu vực có người Việt Nam sinh sống tập trung đang được mở rộng, nâng cao, nhằm hướng tới hoàn thiện giáo dục từ mẫu giáo tới cấp I, và đang phấn đấu để nâng lên giáo dục cấp II bằng tiếng Việt.

4. Về đời sống tôn giáo tín ngưỡng

Việt Nam là một nước đa văn hóa, đa tôn giáo, không có một tôn giáo nào đóng vai trò là “quốc giáo” như một số nước khác. Một người Việt có thể cùng lúc tin theo và thực hành nhiều tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau.

Về cơ cấu các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam, có thể nói ngoài Catholic giáo, mặc dù ngày nay đã góp một phần quan trọng vào đời sống tín ngưỡng tôn giáo của người Việt, nhưng loại hình tôn giáo này chỉ mới được du nhập vào Việt Nam ở thời kỳ cận hiện đại, còn trong truyền thống, bức tranh tín ngưỡng tôn giáo chính của người Việt bao gồm: thờ phụng tổ tiên; Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo đại thừa.

Về bất kỳ làng quê nào ở Việt Nam, ngoài **bàn thờ gia tiên** trong mỗi gia đình, chúng ta dễ dàng thấy ngay **miếu** thờ thần bảo hộ cộng đồng xóm, ngõ; **đình** thờ thành hoàng làng- bảo hộ cho cộng đồng làng; **đền** thờ thánh: (thánh Mẫu và đức thánh Trần Hưng Đạo); Chùa thờ Phật và đôi nơi là nhà thờ thờ đức chúa trời. Trong các loại tín niệm và các công trình kiến trúc vật thể tương ứng để cho cộng đồng thực thi các nghi lễ nói trên thì: đình thờ thành hoàng làng, đền thờ thánh và chùa thờ Phật (ngành đại thừa) mang “bản sắc” rất đặc thù của Việt Nam.

Hình ảnh cây đa, bến nước, sân đình, những đám rước Thành Hoàng làng, những trình diễn, diễn lại các hoạt động nửa thần thoại nửa có thực lúc sinh thời của các vị Thành Hoàng làng... trong những ngày giỗ của các vị - cũng là ngày lễ hội của các làng, là những sinh hoạt văn hóa rất đặc trưng của làng quê nông nghiệp ở Việt Nam.

Trong đình làng, ngoài thờ Thành Hoàng, còn thờ các vị thần khác, còn đến lại là nơi thờ thánh. Xét về nguồn gốc, thờ *tiên* thờ *thánh* là những hoạt động lễ nghi của Đạo Lão bên Trung Quốc. Khi du nhập vào Việt Nam, các sinh hoạt tín ngưỡng này đã được người Việt dân gian hóa, bản địa hoá đi cho phù hợp. Có hai vị thánh được người Việt tôn kính và tập trung thờ phụng là thánh Mẫu và Đức Thánh Trần.

Dân gian cho rằng, vũ trụ do Ngọc Hoàng cai quản. Vì làm trái ý cha nên Liễu Hạnh (là con gái của Ngọc Hoàng) bị cha phái xuống trần để cai quản trần gian. Bởi vậy dân gian gọi bà là thiên mẫu (hoặc thánh mẫu). Dân gian cũng lưu truyền rằng ba lần Liễu Hạnh hóa thân thành mẫu thiên (cai trị bầu trời); mẫu địa (cai quản mặt đất) và mẫu thủy (cai quản các vùng sông nước). Quyền uy của thánh mẫu là vô song, bất kỳ ở đâu con người gặp họa nạn đều được thánh mẫu phù hộ độ trì.

Đức Thánh Trần vốn là Trần Hưng Đạo một vị vua rất nổi tiếng của Việt Nam đời nhà Trần (thế kỷ XIII). Dưới sự lãnh đạo của vị vua anh minh này, nhân dân Việt Nam đã ba lần đánh bại quân Nguyên - Mông, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và xây dựng đất nước mạnh giàu. Dân gian tin rằng những vị vua tốt như ông khi chết đã hiển thánh và vẫn tiếp tục

phù hộ độ trì cho muôn dân, nên đã lập đền thờ tự ở khắp nơi.

Nếu như mẫu Liễu được dân gian quan niệm là Thánh Mẫu, thì Đức Thánh Trần được dân gian quan niệm như Thánh Cha: “tháng Tám giỗ Cha, tháng Ba giỗ Mẹ”- tức tháng tám giỗ Đức Thánh Trần và tháng Ba giỗ Mẫu Liễu. Trong không gian văn hóa của mỗi làng quê, đền thờ Mẫu và đền thờ Đức Thánh Trần thông thường được xây trong cùng một khuôn viên hoặc là khác khuôn viên nhưng rất gần nhau. Và khi làm giỗ bên đền Mẫu Liễu người ta cũng cúng bên đền Đức Thánh Trần và ngược lại.

Hoạt động thờ Mẫu, thờ Đức Thánh Trần thường gắn với tục lên đồng. Có thể so sánh tục lên đồng của người Việt với Saman giáo (phù thủy). Vốn là, trong khi hành lễ chủ lễ có thể thỉnh linh hồn của Đức Thánh Trần hoặc Thánh Mẫu nhập vào một trong số những người “hầu đồng”, những người được thánh nhập ấy (dân gian gọi đấy là những người có căn) sẽ nói những lời phán bảo của Thánh tới các cá nhân hoặc cộng đồng... Để cho mọi người tham gia buổi lễ tin có “thánh nhập” thật, những người được thánh nhập phải thực hành một số việc bất bình thường mà khi con người ở trạng thái bình thường không thể làm được. Ví dụ ngậm than, hoặc xuyên linh: đâm xuyên lưỡi kiếm qua má mà không chảy máu chẳng hạn... Có thể nói, các hoạt động tín ngưỡng dân gian này là những nét rất riêng, rất nổi bật của người Việt.

Người Việt đến Lào (cũng như tới các nước khác) đã mang theo cả đời sống tín ngưỡng của mình đến quê hương mới. Tuy nhiên, tùy thuộc vào cảnh trạng văn hóa ở nơi cư trú mới mà họ lựa chọn những nội dung phù hợp để tái cấu trúc nhằm phục

vụ cho nhu cầu cuộc sống tâm linh của mình. Dĩ nhiên, trong quá trình tái cấu trúc ấy, họ có thể tiếp thu thêm các yếu tố văn hóa bản địa. Cụ thể ở Lào, như đã trình bày tại các phần trên, việc thờ phụng tổ tiên, chỉ được các gia đình Việt kiều duy trì ở tập tục bàn thờ gia tiên. Tổ chức dòng họ, các cơ sở vật chất kèm theo như ruộng họ, nhà thờ họ... không tồn tại, do đó mà tập tục giỗ tổ chung của cả họ cũng không còn được tổ chức. Trong không gian của làng, ở những khu vực cư trú tập trung của người Việt, trên khắp đất nước Lào, chỉ còn một làng - làng Xiêng Vang tại huyện Nong Bok, tỉnh Khăm Muộn còn có Đình làng. Làng Xiêng Vang phân bố dọc theo bờ tả ngạn của dòng sông Mê Công. Những mái nhà lợp lá sau các rặng tre xanh, những cánh đồng lúa bát ngát, ở trung tâm của làng là một ngôi đình khang trang... khiến cảnh quan văn hóa của làng này rất đổi thân quen như mọi vùng quê ở Việt Nam. Có thể nói, đây là làng duy nhất mà văn hóa làng xã Việt được tái tạo khá nguyên vẹn trên đất Lào.

Nếu như kiến trúc đình làng là hy hữu thì kiến trúc đền thờ Thánh (Thánh Mẫu và Đức Thánh Trần) và chùa thờ Phật lại rất phổ biến trong mọi khu quần cư của người Việt trên đất Lào.

Có thể nói, tín ngưỡng thờ thánh và đi liền với nó là kiến trúc đền miếu, cách sắp xếp, bày biện đồ thờ, tượng thờ và tục lên đồng trong khi hành lễ... cũng là những nét hoạt động tín ngưỡng rất “đặc trưng” của văn hóa Việt⁽¹¹⁾. Đương nhiên, trong “không gian văn hóa Lào”, có những khâu của sinh hoạt này cũng được “Lào hoá”. Ví dụ: khi kết thúc một lớp hầu, Thầy hầu đồng (nhân danh Đức Thánh Trần hoặc Thánh Mẫu) thường phát lộc cho những người ngôi hầu, trên đất Lào thì thầy đồng

còn thực thi việc thắt chỉ cổ tay cho những người tham gia, một hoạt động rất “văn hóa Lào”... Trước năm 1954, tập tục sinh hoạt này rất phổ biến trong cộng đồng người Việt tại Lào. Sau đó, bởi nhiều lý do, nó bị hạn chế dần, nhưng trong thập niên gần đây, tập tục này đang từng bước được tái tạo lại.

Song song với tín ngưỡng thờ phụng tổ tiên và thờ thánh, người Việt cũng theo Phật Giáo. Mặc dù đất Lào là đất Phật, nhưng Phật giáo mà người Việt theo là Phật giáo dòng Đại thừa, còn Phật giáo ở Lào thuộc ngành Theravada (nguyên thủy), hai dòng Phật giáo này rất khác nhau nên khi người Việt thiên di đến cư trú tại Lào thì họ phải tự xây chùa để thờ tự.

Dương nhiên, trong đời sống thực tế, của cộng đồng người Việt trên đất Lào, cả hai loại Phật giáo đôi lúc cũng có ảnh hưởng qua lại. Ví dụ: chùa Phật Tích tại Luông Prabang là chùa Việt nhưng vẫn xây có *to Nac* (tượng con thuồng luồng) như chùa Lào để cho Phật tử những lúc thụ lễ đổ nước lên đó để cầu mưa, cầu mưa. Chùa Bồ Đề (ở thị xã Thà Khèc (tỉnh Khăm Muộn) trước, khi mới xây dựng, đã rước tượng Phật Thích ca của người Lào về để thờ. Ngày nay, khi đã có hệ thống tượng Phật kiểu Việt thì bức tượng Phật Lào được thờ ở gian trong như kiểu thờ tổ. Trong các dịp bun hội quan trọng (thí dụ Bun Pimày- tết năm mới) người Lào thường có tập quán đi lễ chùa cầu may cầu phúc. Họ quan niệm trong dịp tết phải đi lễ được ở 9 ngôi chùa thì năm ấy mới may mắn. Có thể nói đa phần Việt kiều ở Lào cũng đi chùa Lào, để tham gia tham gia hoạt động này theo cách của người Lào...

Không chỉ thờ phụng tổ tiên, thờ thánh

và theo Phật mà một bộ phận lớn người Việt ở Lào còn đi nhà thờ thờ đức chúa trời. Số lượng giáo dân trong cộng đồng người Việt tại Lào chiếm một tỷ lệ rất đáng kể. ở mọi khu vực thị trấn, thị xã, thành phố... đều có nhà thờ công giáo để cho giáo dân thờ tự. Có thể nói người Lào gốc Lào cũng có một bộ phận theo công giáo, nhưng trên đất Lào các trung tâm công giáo lớn đều có quan hệ mật thiết với người Việt di cư. Tuy nhiên cũng có thể nói trên đất Lào giữa các loại tôn giáo khác nhau không có sự cấm kỵ nghiêm ngặt. Phật tử vẫn có thể đi lễ ở nhà thờ (nhưng không thụ lễ xưng tội), cũng như con chiên vẫn có thể vào chùa tham gia các nghi lễ Phật giáo bình thường...

III. THAY CHO LỜI KẾT

Cũng như các tộc người khác, khi di cư người Việt đã mang theo cả lối sống - văn hóa. Đến quê hương mới, trước hết họ phải thích nghi với các điều kiện môi trường mới để sinh tồn. Khi đã vượt qua được những khó khăn ban đầu ở nơi đến, họ đã từng bước tổ chức lại cuộc sống nhằm thoả mãn các nhu cầu- cả vật chất lẫn tinh thần - của chính họ. Thông qua quá trình tổ chức lại cuộc sống ấy mà một mặt bản sắc văn hóa truyền thống của người Việt đã được tái tạo lại, mặt khác cũng chính thông qua quá trình “tái cấu trúc” ấy mà người Việt có cơ hội chọn lọc tiếp thu các yếu tố văn hóa của người Lào để bổ sung, làm giàu cho nền văn hóa của mình.

Cộng đồng người Việt trên đất Lào và cộng đồng người Lào là hai cộng đồng người có các nền văn hóa khác biệt. Trong khi người Lào ăn cơm nếp, sau khi kết hôn chú rể về cư trú bên nhà vợ chăm lo cho cuộc sống của nhà vợ, khi chết thì thiêu xác để hũ tro ở chùa... thì người Việt lại ăn cơm tẻ, sau hôn nhân cô dâu về ở nhà

chông chăm lo cho đời sống của nhà chồng, khi chết thì chôn ở nghĩa địa... ấy thế mà hai cộng đồng người ấy lại cùng sống hài hòa với nhau, có thể nói là rất ít có sự va chạm về văn hóa- lối sống.

Có thể nói cộng đồng người Việt trên đất Lào đã sống chan hoà với người Lào, với nền văn hóa Lào, nhưng họ vẫn bảo tồn được những nét chính yếu trong bản sắc văn hóa truyền thống của mình. Điều đó một mặt nói lên sức sống của văn hóa Việt, mặt khác cũng cho biết rằng, người Việt di cư dù đã sống tách rời đất mẹ nhưng nếu như cộng đồng biết tổ chức cuộc sống tại quê hương mới thì bản sắc văn hóa Việt Nam vẫn được duy trì và tiếp tục phát triển ./

CHÚ THÍCH

1. Khái niệm “người Việt” trong bài này được hiểu như là tên gọi của tộc người Việt hoặc là người Kinh. Tên gọi này khác với tên gọi “người Việt Nam” (Vietnamese) được sử dụng để gọi toàn bộ công dân Việt Nam (thuộc 54 tộc người). Ngoài người Việt (hoặc là người Kinh).
2. Trần Trọng Đăng Đàn, “Người Việt Nam ở nước ngoài đầu thế kỷ XXI: những con số và bình luận về những con số ấy”, trong: *Kiểu bào và quê hương*, nhiều tác giả, Nxb. Trẻ, 2005 cho rằng, vào năm 2004-2005, có 35.000 kiều dân Việt Nam tại Lào. Có thể số lượng này chưa bao gồm những người Việt sang Lào làm ăn theo mùa vụ.
3. Thawatchai Promana. “Việc di cư của người Việt Nam đến định cư tại thị xã Savannakhet từ năm 1893-1945”. Trong *Việt Nam: đất nước con người và văn hoá*. Institute of Asia Pacific Studies, xuất bản phẩm của Srinakharinwirot University.
4. Nguyễn Từ Chi. “Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ”, trong *Góp phần nghiên cứu văn hoá và tộc người*. Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 1996, tr. 169.
5. 1935. 22 août - DÉCIS. RÉ. THAKHEK. Création de quatre villages annamites dans le centre urbain de Thakhek (Province du Cammon) (B.A.L. 1935, p.953).
- Appr. par R.S.L. 25 août 1935.
6. 1935. 7 oct.- DÉCIS. RÉ. PAKSÉ. Création de cinq villages annamites d'onommés “Paksô rive droite”, “Paksô rive gauche”, “kilomètre 42 de la route coloniale n° 13”, “Paksong” et “Khon” dans la province de Bassac (B.A.L. 1935, p.1168).
- Appr. par A.S.L. 5 nov. 1935.
7. 1936. 18 févr.- DÉCIS. RÉ. SUPER TRAN-NINH. Création des trois villages annamites dénommés An-loi, Cam-huong et Dong-xuan dans la province du Tran-ninh (B.A.L. 1936, p.215).
8. 1934. 4 août.- ARR. RÉ. SUPER LAOS. Bang Truong annamites de Vientiane et ses adjoints. Conditions de recrutement, attributions et indemnité de représentation (J.O.I.C. 1934, p.2993; B.A.L. 1934, p.1052).
- Abrogé par A.R.S.L. 31 mai 1935 (J.O.I.C. 1935, p.2770; B.A.L. 1935, p.704).
9. Tổng hợp trên cơ sở tham khảo: *Điều lệ Hội người Việt Nam tại Thành phố Viêng Chăn; Điều lệ Hội người Việt Nam tại tỉnh Khăm Muộn, Điều lệ Hội người Việt Nam tại tỉnh Savannakhet, Điều lệ Hội người Việt Nam tại tỉnh Champasac.*
10. Truyền thuyết người Việt được sinh ra từ “bọc trăm trứng” của cha là Lạc Long Quân và mẹ là Âu Cơ, sau đó 50 người con theo cha lên rừng 50 người con theo mẹ xuống biển.
11. Thực ra ở Lào cũng đã từng tồn tại tín ngưỡng hầu đồng (tiếng Lào gọi là “Phôn phí Mố”). Do quá trình tiếp xúc lâu dài giữa tục hầu đồng của người Lào và tục hầu đồng của người Việt, tập tục của mỗi cộng đồng đã có biến đổi ít nhiều. Về mặt nghiên cứu, có thể nói, đây là vấn đề rất thú vị, cần được gia công nghiên cứu.